

Bản án: 19 /2024/DS- ST

Ngày 08 / 8 / 2024

V/v Yêu cầu mở lối đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân :

- Bà Nguyễn Thị Bắc;
- Ông Phạm Xuân Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST - DS, ngày háng 11 năm 2023 về việc “Yêu cầu mở lối đi”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX – ST, ngày 29 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐHPT – ST, ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Quang H, sinh năm 1981; có mặt
Bà Ngọc Thị T, sinh năm 1983; có mặt
Cùng trú tại: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Nông Văn T1, sinh năm 1983; vắng mặt
Bà Lã Thị T2, sinh năm 1988; vắng mặt
Cùng trú tại: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Duy T3 – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** trình bày:

Gia đình ông bà có 01 thửa đất thuộc **khu A, thôn M, xã V**, diện tích khoảng 03 sào. Nguồn gốc thửa đất do gia đình bố mẹ ông bà khai hoang quản lý, canh tác từ năm 1964; sau khi ông bà kết hôn với nhau gia đình đã cho ông bà quản lý, canh tác; hiện nay ông bà vẫn đang quản lý, canh tác trồng cây Keo, **B**. Thửa đất của gia đình ông bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do gia đình chưa đề nghị.

Thửa đất của gia đình ông bà từ trước đến nay duy nhất giáp với thửa đất của gia đình anh **Nông Văn T1**, ngoài ra xung quanh là ao.

Quá trình quản lý canh tác, gia đình ông bà từ trước đến nay vẫn thường xuyên đi bằng lối đi qua bờ đất của gia đình ông **T1**; đến giữa năm 2019 thì gia đình ông **T1** đã san lấp lối đi và mành rào không cho gia đình ông bà đi qua, từ đó gia đình ông bà không có lối đi vào làm vườn được. Gia đình ông bà đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông **T1** mở lối đi cho đi qua nhưng gia đình ông **T1** không nhất trí. Ngày 8/11/2023, ông bà làm đơn khởi kiện anh **Nông Văn T1**, chị **Lã Thị T2** về việc “Yêu cầu mở lối đi”, yêu cầu Tòa án giải quyết mở lối đi theo phía giáp bờ mương của gia đình ông **T1** chiều dài 19m x chiều rộng 1,5m = 28,5m². Đơn bổ sung ngày 16/04/2024 và tại phiên tòa yêu cầu gia đình ông **Nông Văn T1**, chị **Lã Thị T2** mở lối đi theo vị trí giữa đất của gia đình ông **T1** là phù hợp nhất, chiều dài phần đất của gia đình ông **T1** tính từ ngoài đường liên thôn kéo đến giáp đất gia đình ông bà và chiều rộng 1,5m = 28,3m²

Nay gia đình ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết lối đi trên phần đất của gia đình ông **T1**, diện tích 28,3m², vị trí đất nằm trong diện tích đất của gia đình ông **T1**, lối đi này vừa thuận tiện đường đi vào thửa đất của gia đình ông bà mà vẫn đảm bảo không ảnh hưởng đến giá trị thửa đất của gia đình ông **T1**. Về giá trị tiền đất và tài sản trên đất ông bà trả cho gia đình ông **T1** theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì khác.

[2] Bị đơn ông **Nông Văn T1**, bà **Lã Thị T2** quá trình tham gia tố tụng trình bày như sau:

Gia đình ông bà có 01 thửa đất diện tích hơn 1000m² ở **thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang** đã được **UBND huyện S** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông **Nông Văn T1**. Nguồn gốc thửa đất do bố mẹ của ông bà tặng cho; hiện nay trên đất có 01 nhà cấp 4 kiên cố và công trình phụ. Thửa đất gia đình ông bà có giáp với thửa đất của gia đình ông **H**, bà **T**.

Quá trình quản lý, canh tác gia đình ông **H**, bà **T** thường xuyên đi qua đất nhà ông bà để đi vào thửa đất của gia đình ông **H**. Đến năm 2019 gia đình ông chuyển đến ở và làm nhà trên thửa đất của gia đình. Sau khi xây dựng gia đình có mành rào thửa đất thì gia đình ông **H** không có lối đi, từ trước gia đình ông **H**

vẫn thường xuyên đi qua thửa đất của gia đình ông bà; do đó gia đình ông H đã khởi kiện gia đình ông bà về yêu cầu mở lối đi nhưng gia đình tôi không đồng ý.

Thửa đất gia đình ông bà đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gia đình có quyền quản lý, sử dụng thửa đất. Gia đình nhất trí cho gia đình ông H mở lối đi trên phần đất của gia đình nhưng ở vị trí đất một bên giáp đất của gia đình ông, một bên giáp ao và gia đình bà N. Nếu gia đình ông H, bà T có nguyện vọng mở lối đi thì gia đình yêu cầu gia đình ông H, bà T đổi đất cho nhau, chứ gia đình ông bà không nhận trả bằng tiền; về tài sản trên đất đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì khác.

[3] Kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Kết quả xem xét, thẩm định: Vị trí đất ông T1, bà T2 đồng ý đổi đất và ông H, bà T yêu cầu ban đầu là 57,7m² (Vị trí 1 theo sơ đồ); Vị trí đất ông H, bà T yêu cầu 28,3m² (Vị trí 2 theo sơ đồ).

Về tài sản trên đất tranh chấp: Vị trí đất 57,7m² (Vị trí 1 theo sơ đồ) có 400 cây Ngô mới trồng, 01 khóm giềng, 01 cây chanh; Vị trí đất 28,3m² (Vị trí 2 theo sơ đồ) có 196 cây Ngô mới trồng, 01 cây Mít có đường kính gốc 06cm và 01 cây Mít có đường kính gốc từ 12cm.

Kết quả định giá tài sản: Đất vườn giá = 800.000đ/m²; Đất nông nghiệp = 11.000đ; khóm G = 50.000đ; Ngô = 1.000đ/cây; Cây Mít đường kính gốc 06cm = 300.000đ; Cây Mít đường kính gốc 12cm = 400.000đ; 01 cây Chanh = 80.000đ;

[4] Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyên vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không đến tham gia phiên tòa là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 254, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTWQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Quang H, bà Ngọc Thị T đối với bị đơn ông Nông Văn T1, bà Lã Thị T2.

Buộc ông Nông Văn T1, bà Lã Thị T2 phải dành cho ông Đào Quang H, bà Ngọc Thị Thanh m lối đi có diện tích là 28,3m² thuộc một phần thửa đất không có sổ thừa, tờ bản đồ, thuộc thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE570735

ngày 09/02/2007 mang tên ông **Nông Văn T1**; cụ thể gồm các điểm 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18. (Có sơ đồ đo vẽ, bản kê độ dài các cạnh và tọa độ kèm theo).

Về tài sản trên đất: Giao cho ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** được quản lý, sở hữu toàn bộ có 73 cây Ngô mới trồng, 01 cây Mít có đường kính gốc 06cm và 01 cây Mít có đường kính gốc từ 12cm. Ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** phải trả cho ông **Nông Văn T1**, bà **Lã Thị T2** giá trị tiền cây, đất là: 23.536.000đ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Nguyên đơn ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** phải chịu tiền án phí DSST.

Về tiền chi phí tố tụng: Chi phí định giá và thẩm định, đo đạc hết số tiền là 4.878.000đ, ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt văn bản phiên tòa hợp lệ lần 2 cho ông **T1**, bà **T2** nhưng ông **T1**, bà **T2** vắng mặt không có lý do; do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** khởi kiện yêu cầu mở lối đi, bị đơn không nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Yêu cầu mở lối đi*” theo quy định tại khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp, ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động về việc giải quyết vụ án, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Gia đình ông **H**, bà **T** có 01 thửa đất thuộc **khu A, thôn M, xã V, huyện S**, diện tích khoảng 03 sào. Nguồn gốc thửa đất do gia đình bố mẹ ông **H** khai hoang quản lý, canh tác từ năm 1964; sau khi ông **H** kết hôn với bà **T** gia đình bố mẹ ông **H** đã cho ông **H**, bà **Thanh quân I**, canh tác; thửa đất hiện nay gia đình ông **H** quản lý, canh tác trồng cây Keo, Bạch đàn; thửa đất của gia đình ông **H** chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Gia đình ông **T1**, bà **T2** có 01 thửa đất diện tích hơn 1.357m², không có sổ thửa, tờ bản đồ, **thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang** đã được **UBND huyện S**

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE570735 ngày 09/02/2007 mang tên ông **Nông Văn T1**. Hiện nay trên đất có 01 nhà cấp 4 kiên cố, công trình phụ, tường rào. Thửa đất của gia đình ông **T1** có giáp với thửa đất của gia đình ông **H**, bà **T**.

Quá trình quản lý, canh tác thửa đất gia đình ông **H**, bà **T** thường xuyên đi qua phần đất của gia đình ông **T1** để đi vào thửa đất của gia đình mình. Đến năm 2019 gia đình ông **T1** chuyển đến ở trên thửa đất và đã làm nhà, mành rào và xây tường bao thì gia đình ông **H** không có lối đi. Do đó gia đình ông **H** đã có đơn đề nghị UBND xã giải quyết; UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng gia đình ông **T1** không đồng ý.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*.

Thửa đất của gia đình ông **Đào Quang H** toàn bộ 3/4 phần đất giáp ranh là ao, còn lại 1/4 giáp ranh với thửa đất của gia đình ông **Nông Văn T1**. Lối đi vào thửa đất của gia đình ông **H** chỉ có lối đi duy nhất là phải đi qua thửa đất của gia đình ông **T1**, ngoài ra không có lối đi nào khác. Tại phiên tòa ông **H**, bà **T** thay đổi yêu cầu mở lối đi ở vị trí 2, diện tích là 28,3m²; quá trình giải quyết vụ án gia đình ông **T1** không nhất trí mà chỉ nhất trí cho gia đình ông **H** mở lối đi trên phần đất một bên giáp đất của gia đình ông **T1**, bà **T2** và một bên giáp ao. Vị trí đất ông **T1**, bà **T2** đồng ý cho ông **H**, bà **T** mở lối đi thì có một phần lối đi một bên giáp đất gia đình ông **T1**, một bên giáp đất nhà bà **N** còn phải tôn cao so với đường liên thôn khoảng 2m, phần lối đi một bên giáp đất ao (phía bên ao thấp hơn so với phần đường mở phải tôn cao khoảng 4m), như vậy việc mở lối đi rộng 1,5m để làm lối đi là không khả thi và không thể đi lại được vì nguy cơ đất bị sạt lở. Yêu cầu mở lối đi theo yêu cầu của ông **H**, bà **T** theo vị trí thẩm định 28,3m² là thuận tiện và hợp lý nhất, tuy phần mở lối đi theo yêu cầu của ông **H**, bà **T** qua gần giữa thửa đất của gia đình ông **T1** nhưng vẫn đảm bảo về giá trị và hiện trạng sử dụng thửa đất, không bị ảnh hưởng lớn.

Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự 1. “Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định”.

Do gia đình ông H không có lối đi nên quyền được yêu cầu mở lối đi là chính đáng. Từ những phân tích nêu trên thì nguyên đơn ông H, bà T đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với bên bị đơn ông T1, bà T2 yêu cầu dành mở lối đi trên diện tích đất 28,3m² là có căn cứ chấp nhận; bị đơn ông T1, bà T2 đưa ra lời phản biện và chứng cứ để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quang H, bà Ngọc Thị T. Buộc ông Nông Văn T1, bà Lã Thị T2 phải dành cho ông Đào Quang H, bà Ngọc Thị Thanh m lối đi có diện tích là 28,3m² thuộc một phần thửa đất không có sổ thừa, tờ bản đồ, thuộc thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE570735 ngày 09/02/2007 mang tên ông Nông Văn T1, gồm các điểm: 11,12,13,14,15,16,17,18; độ dài các cạnh như sau: 11 - 13 = 5,72m; 13-14 = 11,03m; 14-15 = 1,5m; 15-16 = 10,87m; 16-18 = 4,03m; 18-11 = 1,5m. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Về tài sản trên đất: Trên diện tích đất mở lối đi gia đình ông T1 trồng 73 cây Ngô, 01 cây Mít có đường kính gốc 06cm và 01 cây Mít có đường kính gốc từ 12cm; ông H, bà T được yêu cầu mở lối đi có những tài sản này thì phải trả tiền đất và tiền cây cho gia đình ông T1, bà T2. Do đó, ông Đào Quang H, bà Ngọc Thị T phải trả cho ông Nông Văn T1, bà Lã Thị T2 giá trị tiền cây, đất là: 23.536.000đ.

Về lãi suất chậm Thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông H, bà T được nhận đất, cây là tài sản có giá ngạch nên ông H, bà T phải chịu toàn bộ án phí DSST phần giá trị tài sản được nhận, theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Tiền đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 4.878.000đ. Số tiền này ông H đã ứng ra nộp chi phí; Do yêu cầu của bên nguyên đơn được chấp nhận nên buộc phải chịu toàn bộ số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 254, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 227, 228, 271, và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** đối với bị đơn ông **Nông Văn T1**, bà **Lã Thị T2** về yêu cầu mở lối đi.

Buộc ông **Nông Văn T1**, bà **Lã Thị T2** phải dành cho ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị Thanh m** lối đi có diện tích là 28,3m² thuộc một phần thửa đất không có số thửa, tờ bản đồ, **thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang** đã được **UBND huyện S** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE570735 ngày 09/02/2007 mang tên ông **Nông Văn T1**; gồm các điểm 11,12,13,14,15,16,17,18; độ dài các cạnh như sau: 11 - 13 = 5,72m; 13-14 = 11,03m; 14-15 = 1,5m; 15-16 = 10,87m; 16-18 = 4,03m; 18-11 = 1,5m. Các điểm tọa độ: 1: X:2360531.160; Y:486786.080; 2: X2360531.190; Y:486794.760; 3: X2360534.900; Y486797.430; 4: X2360535.190; Y 486808.160; 5: X2360520.420; Y486814.680; 6: X2360519.750; Y 486813.340 ; 7: X2360533.660; Y486807.180; 8: X2360533.420; Y486798.210; 9: X2360529.690; Y486795.530; 10: X2360529.660; Y486787.450; 11: X2360529.050; Y486788.010; 12: X2360527.020; Y486789.950; 13: X2360522.076; Y486792.743; 14: X2360522.076; Y486797.563; 15: X2360511.510; Y486796.170; 16: X 2360521.290; Y486791.420; 17: X2360526.960; Y486788.270; 18: X2360528.070; Y486787.210. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án).

[2] Về tài sản trên đất: Giao cho gia đình ông **H**, bà **T** được quản lý, sở hữu 73 cây Ngô, 01 cây Mít có đường kính gốc 06cm và 01 cây Mít có đường kính gốc từ 12cm; nhưng ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** phải trả cho ông **Nông Văn T1**, bà **Lã Thị T2** giá trị tiền cây, đất là: 23.536.000đ (Hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Nguyên đơn ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** phải chịu 1.175.000đ án phí DSST; số tiền 300.000đ ông **H** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000792 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động được khấu trừ vào án phí, sau khi khấu trừ ông **H**, bà **T** còn phải nộp số tiền là 875.000đ.

Về tiền chi phí tố tụng: Ông **Đào Quang H**, bà **Ngọc Thị T** phải chịu tiền chi phí tố tụng là 4.878.000đ; số tiền này ông **H** đã nộp tạm ứng nay được trừ đi (Xác nhận ông **H**, bà **T** đã nộp đủ).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn